

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN VĂN THANH

**MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT
TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN HUYỆN AN NHƠN**

Chuyên ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã số: 60.34.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng, Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Thị Như Liêm**

Phản biện 1: **TS.Nguyễn Thanh Liêm**

Phản biện 2: **TS.Lâm Minh Châu**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 12 năm 2012.

** Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại Học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Năm 2011 là năm thứ 2 khôi phục kinh tế sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009. Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, kinh tế trong nước tiếp tục gánh chịu lạm phát tăng cao, thời tiết diễn biến phức tạp, dịch bệnh vẫn xảy ra trên cây trồng, vật nuôi... Những yếu tố bất lợi trên đã tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh và gây ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống dân cư trong nước.

Ngay từ đầu năm, Thủ tướng Chính phủ đã quán triệt nhiệm vụ và thực hiện nhiều giải pháp với mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội. Với mục tiêu này, ngày 12 tháng 04 năm 2010 Thủ tướng Chính Phủ ra nghị định số 41/2010/NĐ-CP ban hành quy định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống của nông dân và cư dân sống ở nông thôn. Kèm theo Nghị định này , Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (NHNo&PTNT VN) đã có Quyết định số 881/QĐ-HĐQT-TDHo ngày 16 tháng 07 năm 2010 về việc ban hành quy định thực hiện Nghị định số 41/2010/NĐ-CP của Chính Phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn nhằm mở rộng cho vay, đầu tư chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, xoá đói giảm nghèo và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân.

Do đó, sau khi có quyết định, NHNo&PTNT đã chủ động phối hợp với Hội Nông dân, Hội phụ nữ các cấp tuyên truyền và triển khai nội dung Nghị định 41 tới hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp trong

toàn quốc nhằm tổ chức, thực hiện đồng bộ và có hiệu quả, đáp ứng vốn kịp thời cho các Hộ sản xuất vay vốn.

Để thực hiện chính sách này có hiệu quả thì nhu cầu vốn đòi hỏi rất lớn từ nội lực các gia đình, hộ kinh doanh, từ ngân sách và từ nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Tuy nhiên, trên thực tế việc mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất ngày càng khó khăn do món vay nhỏ, chi phí nghiệp vụ cao, đối tượng vay gắn liền với điều kiện thời tiết, nắng mưa bảo lụt, hạn hán nên ảnh hưởng rất lớn đến đồng vốn vay, khả năng rủi ro luôn tiềm ẩn trong hoạt động tín dụng.

Bởi vậy, mở rộng cho vay phải đi kèm với việc nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng là mục tiêu hàng đầu của Ngân hàng. Riêng ở Huyện An Nhơn, Người nông dân mấy năm qua đã gắn bó, gần gũi với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện An Nhơn thực sự đã là người bạn đồng hành. Họ đã tiếp nhận vốn vay và sử dụng có hiệu quả nên thực sự đã hết được nghèo đói, một số hộ đã vươn lên làm giàu chính đáng. Vì vậy, mở rộng cho vay Hộ sản xuất là rất cần thiết, là thực sự thỏa mãn ý Đảng lòng dân luôn được các cấp các ngành quan tâm giúp đỡ.

Nhận thức được những vấn đề trên và xuất phát từ thực tiễn cho vay Hộ sản xuất tại Ngân hàng - nơi bản thân tác giả hiện đang công tác nên tác giả quyết định chọn đề tài **“Mở rộng cho vay Hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện An Nhơn”** để nghiên cứu cho luận văn thạc sĩ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu.

Vận dụng lý luận về những đặc trưng của Hộ sản xuất, vận dụng những lý luận về tín dụng hộ sản xuất để phân tích đánh giá thực trạng việc đầu tư cho vay Hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện An Nhơn. Phân tích các nhân

tổ ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn vay của Hộ sản xuất ở Huyện An Nhơn.

Đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại trong thời gian qua trên cơ sở đó đề ra một số giải pháp cho vay HSX nhằm góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện An Nhơn ổn định và phát triển vững chắc; Mở rộng đầu tư vốn cho các Hộ sản xuất để tận dụng, khai thác những tiềm năng sẵn có về tài nguyên đất đai, mặt nước, lao động, tài nguyên khác ... làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo trả nợ được nguồn vốn vay ngân hàng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu đề tài là cho vay các Hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện An Nhơn trong những năm gần đây.

Phạm vi nghiên cứu các Hộ sản xuất vay vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn phải cư trú và có cơ sở hoặc dự án sản xuất kinh doanh trên địa bàn Huyện An Nhơn trong giai đoạn 2009-2011, từ đó đưa ra giải pháp mở rộng cho vay Hộ sản xuất trong những năm kế tiếp.

4. Phương pháp nghiên cứu.

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu, đề tài này sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để phân tích lý luận giải thực tiễn như: Phương pháp chọn vùng nghiên cứu; Phương pháp thu thập thông tin; Phương pháp phân tích: từ nguồn thông tin và số liệu thu thập được, sau khi kiểm tra chọn lọc các chỉ tiêu tiến hành các phương pháp phân tích hoạt động kinh tế, phương pháp tổng hợp thống kê mô tả, so sánh... để rút ra được những kết luận từ vấn đề nghiên cứu.

5. Bố cục đề tài.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, cấu trúc của luận văn chia thành ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về mở rộng cho vay Hộ sản xuất trong các Ngân hàng Thương mại.

Chương 2: Thực trạng mở rộng cho vay Hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện An Nhơn.

Chương 3: Giải pháp mở rộng cho vay Hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện An Nhơn.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu.

Qua khảo sát về nội dung các nghiên cứu trước đây có liên quan đến đề tài “Mở rộng cho vay hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện An Nhơn”, tác giả đã tham khảo một số tài liệu về cơ sở lý luận mở rộng cho vay hộ sản xuất và ứng dụng trong thực tế đã được bảo vệ tại Trường Đại học kinh tế Đà Nẵng và Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội như: Đề tài “ *Giải pháp nâng cao hiệu quả Tín dụng đối với Hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện Ninh Giang*”, tác giả Phạm Thanh Trang, do người hướng dẫn khoa học TS.Tô Ngọc Hưng, thực hiện năm 2004.

Đề tài “ *Giải pháp mở rộng cung tín dụng đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Quảng Nam*”, tác giả Lê Đức Quang, do người hướng dẫn khoa học TS.Nguyễn Hòa Nhân, thực hiện năm 2010.

Những đề tài trên các tác giả đã sử dụng phương pháp chủ yếu là phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh để phân tích thực trạng cho vay và đánh giá các kết quả số liệu thống kê trong quá khứ từ đó rút ra những kết quả đạt được, một số hạn chế, nguyên nhân của

những hạn chế để làm cơ sở đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện hiệu quả cho vay của các Ngân hàng.

Bên cạnh cơ sở lý luận chung, mỗi đề tài còn có những điểm riêng khác biệt tùy vào bối cảnh, đặc thù và mô hình hoạt động mà các tác giả đã đưa vào cơ sở lý luận nhằm tìm ra giải pháp phù hợp với tình hình hoạt động của các Ngân hàng.

Với đề tài “*Giải pháp nâng cao hiệu quả Tín dụng đối với Hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện Ninh Giang*”, Đề tài này chỉ tập trung nghiên cứu về tình hình cấp tín dụng tại đơn vị, qua đó xác định được những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cấp tín dụng, và đề ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả cấp tín dụng tại NHNo&PTNT Huyện Ninh Giang.

Với đề tài “*Giải pháp mở rộng cung tín dụng đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Quảng Nam*”. Đề tài này đã dùng phương pháp phân tích, so sánh, và thống kê các chỉ tiêu đo lường và đánh giá thực trạng cung tín dụng đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa tại NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam. Nhờ phân tích thực trạng có thể đánh giá được kết quả cung tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa, từ đó phân tích những tiềm năng mở rộng cung tín dụng đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Với đề tài “*Mở rộng cho vay hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện An Nhơn*”, đây là một đề tài tương đối mới, hiện chưa được nghiên cứu tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện An Nhơn, nhưng được sự tư vấn và giúp đỡ tận tình của cán bộ hướng dẫn khoa học PGS.TS.Nguyễn Thị Như Liêm, tác giả đã chọn đề tài này để thực hiện nghiên cứu cho luận văn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh-Chuyên

ngành Quản trị kinh doanh. Để thực hiện nghiên cứu, tác giả sẽ tham khảo từ một số luận văn nêu trên về cơ sở lý luận của những đề tài đó và trên cơ sở tham khảo từ nhiều nguồn tài liệu, các Nghị định của Chính phủ, các văn bản của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam để trình bày bố cục của đề tài:

Nội dung chương 1: Cơ sở lý luận về mở rộng cho vay Hộ sản xuất trong các Ngân hàng Thương mại.

Tác giả đã tham khảo và trích dẫn từ một số nguồn tài liệu trong các đề tài trên, từ sách giáo trình giảng dạy như TS.Hồ Diệu (2002), *Tín dụng ngân hàng*, Nxb Thống kê, TP Hồ Chí Minh; Giáo trình của GS.TS.Lê Văn Tư (2004), *Ngân hàng Thương mại*, Nxb Tài chính, TP Hồ Chí Minh.

Nội dung chương 2: Thực trạng mở rộng cho vay Hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện An Nhơn.

Để thực hiện nghiên cứu thực trạng mở rộng cho vay Hộ sản xuất tại NHNo&PTNT Huyện An Nhơn, tác giả đã đi sâu nghiên cứu phân tích số liệu tình hình cho vay Hộ sản xuất và thực trạng mở rộng cho vay Hộ sản xuất tại đơn vị trong thời gian qua dựa trên số liệu từ các năm 2009-2011, tác giả sử dụng phương pháp tổng hợp để phân tích, so sánh các số liệu từ đó đưa ra đánh giá nhận xét. Tác giả sẽ đi sâu phân tích đánh giá những kết quả đạt được, một số hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế để làm cơ sở cho việc hoàn thiện mở rộng cho vay Hộ sản xuất tại Chi nhánh.

Nội dung chương 3: Giải pháp mở rộng cho vay Hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện An Nhơn.

Dựa trên cơ sở lý luận về mở rộng cho vay Hộ sản xuất nêu trong chương một và những tồn tại, nguyên nhân của những tồn tại trong việc mở rộng cho vay đối với Hộ sản xuất tại NHNo&PTNT Huyện An Nhơn trong chương hai, trong chương này tác giả sẽ đưa ra những giải pháp mang tính định hướng với mục đích nhằm hoàn thiện việc mở rộng cho vay đối với Hộ sản xuất tại NHNo&PTNT Huyện An Nhơn trong thời gian tới, với mục tiêu: mở rộng được đối tượng cho vay, phương thức cho vay, lĩnh vực cho vay, địa bàn cho vay nhằm đáp ứng nhu cầu vốn kịp thời cho các Hộ sản xuất phát triển sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo đủ điều kiện vay vốn, tại Chi nhánh mở rộng cho vay có chất lượng đảm bảo kiểm soát được rủi ro, giảm thiểu nợ xấu xảy ra....góp phần làm tăng doanh thu và lợi nhuận, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tất cả những nội dung trên được trình bày trong các chương sau.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT TRONG CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.

1.1.HỘ SẢN XUẤT VÀ VAI TRÒ CỦA HỘ SẢN XUẤT ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ.

1.1.1.Khái niệm và đặc điểm hộ sản xuất.

a. Khái niệm Hộ sản xuất.

Hộ sản xuất xác định là một đơn vị kinh tế tự chủ, được Nhà nước giao đất quản lý và sử dụng vào sản xuất kinh doanh và được phép kinh doanh trên một số lĩnh vực nhất định do Nhà nước quy định.

b. Đặc điểm hộ sản xuất.

-Hộ sản xuất được hình thành theo những đặc điểm tự nhiên, rất đa dạng.

-Hộ sản xuất tiến hành sản xuất kinh doanh đa năng.

-Hộ sản xuất ở nước ta vẫn còn đang trong tình trạng sản xuất nhỏ, manh mún, sản xuất theo kiểu truyền thống, hiệu quả sản xuất thấp.

1.1.2.Vai trò hộ sản xuất trong phát triển kinh tế.

-Hộ sản xuất đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lao động, giải quyết việc làm ở nông thôn và sử dụng tài nguyên ở nông thôn.

-Hộ sản xuất còn hoạt động theo cơ chế thị trường, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển.

-Hộ sản xuất hoạt động với quy mô nhỏ, bộ máy quản lý gọn nhẹ, năng động nên có thể dễ dàng đáp ứng được những thay đổi của nhu cầu thị trường mà không sợ tổn kém về mặt chi phí.

1.2.HOẠT ĐỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT TRONG CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.

1.2.1.Ngân hàng Thương mại và hoạt động cho vay của NHTM.

a.Ngân hàng Thương mại.

b.Hoạt động cho vay của Ngân hàng Thương mại.

1.2.2.Khái niệm và đặc điểm cho vay hộ sản xuất trong các Ngân hàng Thương mại.

a.Khái niệm cho vay hộ sản xuất.

Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

b.Đặc điểm cho vay hộ sản xuất.

-Cho vay hộ sản xuất có tính thời vụ gắn liền với chu kỳ sinh trưởng của động, thực vật.

-Môi trường tự nhiên có ảnh hưởng đến thu nhập và khả năng trả nợ của khách hàng.

-Chi phí tổ chức cho vay cao.

-Do đặc thù kinh doanh của hộ sản xuất đặc biệt là hộ nông dân có độ rủi ro cao nên chi phí cho dự phòng rủi ro là tương đối lớn so với các ngành khác.

1.2.3.Vai trò cho vay hộ sản xuất trong các Ngân hàng Thương mại.

-Cho vay Hộ sản xuất góp phần hình thành thị trường tài chính ở nông thôn.

-Nguồn vốn vay từ ngân hàng đáp ứng được nhu cầu vốn cho hộ sản xuất duy trì quá trình sản xuất liên tục, góp phần đầu tư phát triển kinh tế.

-Cho Hộ sản xuất vay vốn sẽ tạo điều kiện phát huy các ngành nghề truyền thống, ngành nghề mới, giải quyết việc làm cho người lao động.

1.2.4.Các hình thức cho vay Hộ sản xuất.

a.Căn cứ vào thời hạn cho vay.

Cho vay ngắn hạn

Cho vay trung hạn

Cho vay dài hạn

b.Căn cứ vào xuất xứ tín dụng.

Cho vay trực tiếp

Cho vay gián tiếp

c.Theo mức độ tín nhiệm của khách hàng.

Cho vay bảo đảm bằng tài sản

Cho vay bảo đảm không bằng tài sản

d.Căn cứ vào đối tượng đầu tư.

Cho vay vốn cố định.

Cho vay vốn lưu động.

e.Theo phương pháp hoàn trả.

Cho vay trả góp.

Cho vay phi trả góp.

f.Căn cứ vào phương thức cho vay.

Cho vay từng lần.

Cho vay theo hạn mức tín dụng.

Cho vay theo dự án đầu tư.

Cho vay đồng tài trợ.

Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Cho vay theo hạn mức thấu chi.

g. Các hình thức cho vay khác:

Cho vay lưu vụ.

Chiết khấu .

Cho thuê tài chính.

1.3.NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT TRONG CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.

1.3.1.Khái niệm và ý nghĩa của việc mở rộng cho vay hộ sản xuất trong các NHTM.

a.Khái niệm

Mở rộng cho vay là sự gia tăng quy mô tín dụng, tức là tăng trưởng dư nợ cho vay trên cơ sở bảo đảm kiểm soát được rủi ro ở mức cho phép.

b.Ý nghĩa của việc mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất

1.3.2.Nội dung mở rộng cho vay hộ sản xuất trong các NHTM.

a.Mở rộng đối tượng cho vay.

b.Đa dạng hóa các hình thức cho vay.

c.Mở rộng lĩnh vực cho vay.

d.Mở rộng địa bàn cho vay.

1.3.3.Tiêu chí đánh giá mở rộng cho vay Hộ sản xuất trong các NHTM.

a.Các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng quy mô cho vay HSX:

Chỉ tiêu 1: Tỷ trọng cho vay hộ sản xuất.

$$\text{Tỷ trọng cho vay HSX} = \frac{\text{Dư nợ cho vay HSX}}{\text{Tổng dư nợ cho vay}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu 2: Dư nợ bình quân Hộ sản xuất

$$\text{Dư nợ bình quân HSX} = \frac{\text{Dư nợ cho vay HSX}}{\text{Tổng số HSX vay vốn}}$$

Chỉ tiêu 3: Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay Hộ sản xuất hàng năm.

$$\text{Tốc độ tăng trưởng} = \frac{\text{Dư nợ năm sau} - \text{Dư nợ năm trước}}{\text{Dư nợ năm trước}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu 4: Vòng quay vốn cho vay hộ sản xuất:

$$\text{Vòng quay của vốn} = \frac{\text{Doanh số thu nợ hộ sản xuất}}{\text{Tổng dư nợ hộ sản xuất bình quân}}$$

Trong đó:

$$\text{Dư nợ bình quân HSX} = \frac{\text{Dư nợ đầu năm} + \text{Dư nợ cuối năm}}{2}$$

b. Các chỉ tiêu phản ánh tình hình kiểm soát rủi ro cho vay HSX.

Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ nợ quá hạn của Hộ sản xuất.

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn HSX} = \frac{\text{Dư nợ quá hạn HSX}}{\text{Tổng dư nợ HSX}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nợ khó đòi

$$\text{Tỷ lệ nợ khó đòi} = \frac{\text{Tổng nợ khó đòi}}{\text{Tổng nợ quá hạn}} \times 100\%$$

1.4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT TRONG CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.

1.4.1. Quan điểm Nhà nước đối với hộ sản xuất và cơ chế quản lý tài chính của Nhà nước.

1.4.2. Tình hình cạnh tranh giữa các NHTM.

1.4.3. Nhu cầu và điều kiện của khách hàng.

1.4.4. Khả năng và điều kiện của Ngân hàng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, luận văn đã trình bày những vấn đề cơ bản về hộ sản xuất, về mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất trong các NHTM, những chỉ tiêu đánh giá sự mở rộng và kiểm soát rủi ro cho vay đối với hộ sản xuất, từ đó chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất. Đây là những lý luận cơ bản về mở rộng cho vay hộ sản xuất trong các NHTM để làm tiền đề phát triển nội dung chương 2 của luận văn, đi vào phân tích thực trạng mở rộng cho vay hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện An Nhơn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN AN NHƠN.

2.1.KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ HỘ SẢN XUẤT Ở HUYỆN AN NHƠN.

2.1.1.Một số nét về điều kiện tự nhiên.

2.1.2.Tình hình phát triển kinh tế Huyện An Nhơn.

**2.1.3.Tình hình phát triển Hộ sản xuất trên địa bàn Huyện
An Nhơn.**

2.2.TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CHO VAY HỘ SẢN XUẤT TẠI NHNo&PTNT HUYỆN AN NHƠN.

**2.2.1.Sơ lược về sự ra đời và phát triển của NHNo&PTNT
Huyện An Nhơn.**

**2.2.2.Chức năng và nhiệm vụ của NHNo&PTNT Huyện An
Nhơn.**

**2.2.3.Tình hình hoạt động kinh doanh và cho vay Hộ sản
xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện
An Nhơn.**

a.Công tác huy động vốn tại NHNo&PTNT Huyện An Nhơn

b.Hoạt động cho vay tại NHNo&PTNT Huyện An Nhơn.

c.Kết quả kinh doanh của NHNo&PTNT Huyện An Nhơn .

2.3.THỰC TRẠNG MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT TẠI NHNo&PTNT HUYỆN AN NHƠN

**2.3.1.Những vấn đề chung về thực tế cho vay Hộ sản xuất
tại NHNo&PTNT Huyện An Nhơn.**

**2.3.2.Thủ tục vay vốn và quy trình xét duyệt cho vay đối
với Hộ sản xuất.**

a.Thủ tục vay vốn.

b.Quy trình cho vay HSX tại NHNo&PTNT Huyện An Nhơn

2.3.3.Thực trạng mở rộng quy mô cho vay hộ sản xuất trong thời gian qua tại NHNo&PTNT Huyện An Nhơn.

a.Tình hình và chỉ tiêu mở rộng đối tượng cho vay.

Bảng 2.9: Kết quả cho hộ sản xuất vay vốn trên địa bàn huyện An Nhơn.

Đơn vị tính : triệu đồng,hộ

CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010 so với năm 2009	Năm 2011 so với năm 2010
Tổng số hộ trên địa bàn	41.750	42.987	45.624	1.237	2.637
Số hộ được vay Ngân hàng	23.987	24.939	25.254	952	315
Dư nợ cho vay HSX	218.730	243.508	250.176	24.778	6.668
Hộ vay cao nhất	10	20	50	10	30
Hộ vay thấp nhất	5	5	10	0	5
Dư nợ cho vay BQ/1 hộ	9,12	9,76	9,91	0,65	0,14

(Nguồn: Báo cáo tổng kết chuyên đề tín dụng HSX năm 2009-2010-2011)

Với số liệu trên cho ta thấy số hộ sản xuất được vay tại NHNo&PTNT Huyện An Nhơn trong thời gian vừa qua tăng không

đáng kể, từ 23.987 hộ năm 2009 lên 24.939 hộ vào năm 2010 và lên 25.254 hộ vào năm 2011. NHNo&PTNT Huyện An Nhơn đã nâng được mức cho vay bình quân từ 9,12 triệu/hộ năm 2009 lên 9,76 triệu/hộ năm 2010 và lên 9,91 triệu/hộ năm 2011. Như vậy, so với năm 2009, năm 2010 mức cho vay bình quân các hộ sản xuất tăng lên 0,65 triệu và năm 2011 tăng lên 0,14 triệu so với năm 2010.

b. Tình hình và chỉ tiêu mở rộng các hình thức cho vay.

Năm 2009, dư nợ cho vay trực tiếp tới các hộ sản xuất tại trụ sở là 121.395 triệu đồng; năm 2010 là 152.193 triệu đồng, tăng 30.798 triệu đồng với tỷ lệ tăng 25,37% so với năm trước; năm 2011 là 163.865 triệu đồng, tăng 11.672 triệu đồng so với năm 2010, tỷ lệ tăng 7,67%.

Kết quả cho vay qua tổ vay vốn: Dư nợ đến 31/12/2009: 97.335 triệu đồng; năm 2010 đạt 91.316 triệu đồng, giảm 6.019 triệu đồng so với đầu năm, tỷ lệ giảm 6,18%. Nguyên nhân do cho vay qua Hội nông dân đã thu hẹp dần, năm 2010 dư nợ còn 21.395 triệu đồng, như vậy so với năm 2009 giảm 7.805 triệu đồng, tỷ lệ giảm 26,73%.

Dư nợ đến 31/12/2011 đối với cho vay qua tổ vay vốn đạt 86.311 triệu đồng, giảm 5.005 triệu đồng so với năm 2010, tỷ lệ giảm 5,48%.

Dư nợ cho vay qua Hội phụ nữ : 65.418 triệu đồng gồm 262 tổ, giảm 4.503 triệu đồng tương ứng tỷ lệ giảm 6,44%.

Dư nợ cho vay qua Hội nông dân: 20.893 triệu đồng gồm 84 tổ, giảm 502 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 2,35%.

Kết quả cho vay hộ sản xuất phân theo kỳ hạn như sau:

Bảng 2.12: Cơ cấu dư nợ hộ sản xuất phân theo kỳ hạn .*Đơn vị tính : triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Dư nợ Hộ sản xuất	218.730	243.508	250.176
<i>+Tốc độ tăng trưởng</i>	<i>3,21%</i>	<i>11,33%</i>	<i>2,74%</i>
-Dư nợ ngắn hạn	158.925	160.736	161.564
<i>+Tỷ trọng</i>	<i>72,66%</i>	<i>66,01%</i>	<i>64,58%</i>
<i>+Tốc độ tăng trưởng</i>	<i>9,43%</i>	<i>1,14%</i>	<i>0,51%</i>
-Dư nợ trung hạn - dài hạn	59.805	82.772	88.612
<i>+Tỷ trọng</i>	<i>27,34</i>	<i>33,99%</i>	<i>35,42%</i>
<i>+Tốc độ tăng trưởng</i>	<i>32,29%</i>	<i>38,40%</i>	<i>7,06%</i>

(Nguồn: Báo cáo tổng kết chuyên đề tín dụng HSX năm 2009-2010-2011)

c. Tình hình và chỉ tiêu mở rộng lĩnh vực cho vay.

Số liệu trên cho thấy, lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Hộ sản xuất ở An Nhơn là nông nghiệp và các ngành nghề truyền thống ở địa phương. Do vậy, hoạt động cho vay của NHNo&PTNT Huyện An Nhơn cũng chỉ tập trung vào một số lĩnh vực chủ yếu trên. Phần lớn dư nợ cho vay Hộ sản xuất tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, năm 2009 là 65.032 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 29,73% tổng dư nợ cho vay Hộ sản xuất; năm 2010 là 75.896 triệu đồng và chiếm 31,17%; năm 2011 là 73.466 triệu đồng chiếm 29,37%.

Dư nợ các ngành khác năm 2009 là 144.687 triệu đồng chiếm 66,15% tổng dư nợ cho vay Hộ sản xuất; năm 2010 là 157.805 triệu đồng chiếm 64,80%; năm 2011 là 168.962 triệu đồng chiếm 67,54%.

d. Tình hình và chỉ tiêu mở rộng địa bàn cho vay.

Giữa các khu vực trong toàn huyện phân bổ không đồng đều và tập trung phần lớn ở các thị trấn, xã đồng bằng. Theo số liệu trên, Tại khu vực đồng bằng có dư nợ cho vay hộ sản xuất cao nhất, năm 2009 dư nợ cho vay chiếm 47,95%, năm 2010 chiếm 51,22% so với năm 2009 tăng 19.857 triệu đồng, và sang năm 2011 dư nợ cho vay hộ sản xuất tại khu vực này là 131.564 triệu đồng, tăng 93.567 triệu đồng, tỷ lệ tăng 5,48% và chiếm khoản 52,59% tổng dư nợ cho vay hộ sản xuất.

Các khu vực còn lại như khu vực Trung du có tốc độ tăng trưởng chậm, năm 2009 chiếm tỷ trọng 39,51%, sang năm 2010 giảm còn 38,10%, tốc độ tăng trưởng đạt 7,36%.

Đến năm 2011, tỷ trọng dư nợ cho vay khu vực này còn 33,66% so với năm 2010 giảm 9,22%.

Tại khu vực các xã ở Miền núi năm 2010 giảm 5,25%, chiếm tỷ trọng 12,55% tổng dư nợ hộ sản xuất, năm 2011 thực hiện Nghị định 41 Chính phủ, NHNo&PTNT Huyện An Nhơn mở rộng cho vay hộ sản xuất khu vực này lên 34.395 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 13,75%, so với năm 2010 tăng 32,27%.

2.3.4. Thực trạng về quản lý rủi ro cho vay Hộ sản xuất trong thời gian qua tại NHNo&PTNT Huyện An Nhơn.

a. Diễn biến nợ quá hạn của HSX trong thời gian qua.

Năm 2009, nợ quá hạn tổng cộng 4.199 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,72% tổng dư nợ. Trong đó nợ xấu cho vay Hộ sản xuất là 2.939 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,34%. Các món nợ trên đều phát sinh là nợ do chậm trả lãi. Qua thực tế kiểm tra, khả năng thu hồi nợ cao. Do đó, trong năm 2010 NHNo&PTNT Huyện An Nhơn đã tích cực thu hồi nợ gốc và lãi tồn đọng nên nợ quá hạn giảm còn 1.288 triệu

đồng, trong đó nợ quá hạn hộ sản xuất là 481 triệu đồng, tỷ lệ nợ quá hạn 0,20%, so với năm trước giảm 0,53%.

Năm 2011, nợ xấu tại Chi nhánh có xu hướng tăng lên so với năm trước và chiếm 1,55% trên tổng dư nợ, trong đó nợ xấu cho vay Hộ sản xuất là 579 triệu đồng, chiếm 0,23% trên tổng dư nợ HSX.

b. Cơ cấu nợ quá hạn của Hộ sản xuất.

Cơ cấu dư nợ theo thời gian ta thấy năm 2009, nợ quá hạn là 2.939 triệu đồng, trong đó nợ quá hạn ngắn hạn 2.127 triệu đồng chiếm 72,37% tổng nợ quá hạn nhưng nợ quá hạn trung hạn 812 triệu đồng chiếm 27,63% tổng nợ quá hạn, đây là nợ quá hạn phần lớn do chậm trả lãi tức đều có khả năng thu hồi.

Nợ xấu năm 2010 giảm so với năm 2009 là 2.458 triệu đồng, trong đó nợ ngắn hạn giảm 1.668 triệu đồng, tỷ lệ giảm 78,43%; nợ trung hạn giảm 790 triệu đồng, tỷ lệ giảm 97,29%.

Nợ xấu năm 2011 tăng so với năm 2010 là 99 triệu đồng, trong đó nợ ngắn hạn tăng 31 triệu đồng, tỷ lệ tăng 6,72%; nợ trung hạn tăng 68 triệu đồng, tỷ lệ tăng 308,68%. Tình hình nợ quá hạn trung hạn tăng do nhiều nguyên nhân, có nguyên nhân khách quan do NHNN Việt Nam yêu cầu tất cả các khoản nợ phân kỳ, các khoản lãi khi đến hạn chưa thanh toán mà không được gian hạn, điều chỉnh nợ gốc, lãi thì chuyển toàn bộ dư nợ sang quá hạn có nghĩa là quá hạn một phần, chuyển toàn bộ, điều này gây thiệt thòi cho khách hàng cũng như ngân hàng. Đây là nguyên nhân ta thấy qua các năm nợ nhóm 2 (quá hạn dưới 180 ngày) luôn chiếm tỷ trọng lớn. Năm 2009 là 1.499 triệu đồng chiếm tỷ trọng 51%, năm 2010 là 212 triệu đồng chiếm tỷ trọng 44,16%, so với năm 2009 giảm 1.286 triệu đồng tức giảm 85,83%. Năm 2011 là 268 triệu đồng chiếm tỷ trọng 46,17%

tổng nợ quá hạn cho vay Hộ sản xuất, so với năm 2010 tăng 55 triệu đồng tức là tăng khoảng 26,01%.

Từ năm 2009, nợ trên 360 ngày tại Chi nhánh đối với Hộ sản xuất là 267 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 9,09%, sang năm 2010 giảm còn 222 triệu, tức là giảm 45 triệu đồng tương đương 16,79%. Năm 2011 tiếp tục giảm mạnh, nhóm nợ này chỉ còn 93 triệu đồng, tức giảm được 58,48%.

2.4.KẾT LUẬN CHUNG.

2.4.1. Những kết quả đạt được.

2.4.2. Một số hạn chế.

2.4.3.Nguyên nhân của những hạn chế.

a. Về phía môi trường ngành và quản lý của Nhà nước.

b. Về phía các Hộ sản xuất.

c. Về phía NHNo&PTNT Huyện An Nhơn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.

Trong chương 2, luận văn đã phân tích thực trạng mở rộng quy mô cho vay đối với hộ sản xuất tại NHNo&PTNT Huyện An Nhơn và tình hình kiểm soát rủi ro tại chi nhánh. Từ đó nêu ra một số kết quả đạt được cũng như những hạn chế còn tồn tại, tìm ra nguyên nhân của những hạn chế đó để có cơ sở đưa ra những giải pháp khắc phục và kiến nghị trong chương 3 nhằm mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất tại NHNo&PTNT Huyện An Nhơn trong thời gian tới đạt hiệu quả cao hơn.

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT TẠI NGÂN
HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HUYỆN AN NHƠN.

3.1.NHỮNG CĂN CỨ ĐỀ XUẤT.

3.1.1.Định hướng phát triển kinh tế hộ Huyện An Nhơn trong thời gian tới.

3.1.2.Định hướng chung về công tác tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đối với hộ sản xuất.

3.1.3.Định hướng hoạt động cho vay hộ sản xuất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện An Nhơn.

3.1.4.Tiềm năng mở rộng cho vay đối với Hộ sản xuất của NHNo&PTNT huyện An Nhơn trong thời gian tới.

3.2.GIẢI PHÁP MỞ RỘNG CHO VAY ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT TẠI NHNo&PTNT HUYỆN AN NHƠN.

3.2.1.Mở rộng quy mô cho vay.

a.Đẩy mạnh mở rộng đối tượng cho vay.

b.Đa dạng hóa các hình thức cho vay.

c.Tăng cường mở rộng lĩnh vực cho vay:

d.Đẩy mạnh mở rộng địa bàn cho vay:

3.2.2.Tăng cường kiểm soát rủi ro cho vay hộ sản xuất.

a.Hoàn thiện thủ tục và quy trình cho vay.

b.Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng quản lý trong quá trình cho vay, theo dõi đôn đốc trong quá trình thu nợ và thu lãi.

c.Hạn chế nợ quá hạn.

Ngân hàng cần giúp các hộ sản xuất lập dự án và phương án sản xuất có khả thi nhằm sử dụng vốn vay có hiệu quả. Khi xây dựng

phương án khả thi cần tuân thủ theo trình tự như: Thu thập thông tin về chủ trương chính sách, quy chế cho vay đối với khách hàng, điều tra các nguồn thông tin khác nhau theo định hướng phát triển kinh tế của địa phương, xây dựng dự án trên cơ sở có sự chỉ đạo, tham gia của chính quyền các cấp theo thẩm quyền, các ban ngành, các tổ chức kinh tế.

d. Giảm nợ xấu,

Cán bộ tín dụng phải thường xuyên kiểm tra, phân loại nợ, đánh giá chất lượng tín dụng để phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương và các ngành chức năng giải quyết những tồn tại trong đầu tư tín dụng, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả vốn tín dụng đầu tư vào chương trình kinh tế nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Có phương án cụ thể thu hồi nợ tồn đọng, nợ đã xử lý rủi ro, không để nợ xấu phát sinh tăng bằng cách giao chỉ tiêu thu hồi cụ thể đến nhóm và người lao động.

3.3. GIẢI PHÁP HỖ TRỢ VÀ TẠO ĐIỀU KIỆN MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT TẠI NHNo&PTNT HUYỆN AN NHƠN.

3.3.1. Giải pháp về nguồn vốn cho vay.

3.3.2. Giải pháp đào tạo và phát triển nhân sự.

3.4. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

3.4.1. Kiến nghị UBND Huyện An Nhơn.

3.4.2. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3.4.3. Kiến nghị với NHNo&PTNT Việt Nam.

3.4.4. Những đề xuất đối với hộ sản xuất.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương 3, luận văn căn cứ những định hướng phát triển kinh tế hộ trên địa bàn Huyện An Nhơn cũng như những định hướng hoạt động cho vay hộ sản xuất của NHNo&PTNT Việt Nam, của Chi nhánh An Nhơn và qua khảo sát tiềm năng mở rộng cho vay hộ sản xuất trên địa bàn An Nhơn trong những năm tiếp theo để đề xuất ra các giải pháp chính nhằm mở rộng quy mô cho vay hộ sản xuất và tăng cường kiểm soát rủi ro. Đồng thời luận văn cũng đã đề ra hai giải pháp rất quan trọng để hỗ trợ và tạo điều kiện mở rộng cho vay hộ sản xuất trong thời gian tới được tốt hơn. Trên cơ sở đề ra những giải pháp đó, luận văn có đề xuất, kiến nghị đối với các cấp chính quyền địa phương, đối với NHNN Việt Nam và đối với NHNo&PTNT Việt Nam quan tâm chỉ đạo kịp thời.

KẾT LUẬN

Hoà nhịp vào sự phát triển sôi động của nền kinh tế thị trường và sự phát triển của toàn hệ thống, NHNo&PTNT Huyện An Nhơn đã khẳng định được vai trò của mình nhằm góp phần mở rộng hoạt động cho vay Hộ sản xuất trong thời gian vừa qua. Đồng thời Chi nhánh cũng rất chú trọng đến công tác kiểm tra xét duyệt trước khi cho vay, theo dõi chặt chẽ các khoản cho vay để hạn chế mức độ rủi ro, đảm bảo an toàn cho các khoản vay đối với Hộ sản xuất.

Qua phân tích thực trạng cho vay Hộ sản xuất tại NHNo&PTNT Huyện An Nhơn, có thể nhận thấy rằng chính sách cho vay tới Hộ sản xuất đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Hộ sản xuất đặc biệt là người nông dân là người bạn đáng tin cậy đồng hành cùng NHNo&PTNT Huyện An Nhơn, vì vậy cho Hộ sản xuất vay vốn không chỉ là nhiệm vụ trước mắt, giải pháp tình thế mà còn là nhiệm vụ lâu dài gắn liền với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Chính vì vậy, việc mở rộng cho vay Hộ sản xuất là một vấn đề cấp thiết nhằm đa dạng hóa đối tượng khách, tăng thu nhập cho Ngân hàng. Với ý nghĩa đó, luận văn đã có những đóng góp chủ yếu trong việc mở rộng cho vay đối với Hộ sản xuất. Hy vọng qua luận văn này, với các giải pháp đã được đưa ra sẽ tạo điều kiện cho NHNo&PTNT Huyện An Nhơn mở rộng được hoạt động cho vay đối với Hộ sản xuất một cách có hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Tuy nhiên, những vấn đề đưa ra trong luận văn này còn mang tính khái quát, do còn hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm trên cơ sở tham khảo một số giáo trình làm tài liệu nhưng hiệu quả vẫn chưa cao, còn nhiều điều thiếu sót và có khi sai lầm trong việc đưa ra các vấn đề có liên quan, tác giả rất mong sự bỏ qua và góp ý sửa chữa của quý thầy cô.